

Số: 926/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-HĐT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Du Lịch đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 275 sinh viên, cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 49 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

Ngành tốt nghiệp	K59 2017 – 2021	K60 2018 – 2022	Cộng
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	274	01	275

B. Cao đẳng chính quy

Ngành tốt nghiệp	K59 2017 – 2020	K60 2018 – 2021	Cộng
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	13	36	49

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Du Lịch và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTĐH.



HIỆU TRƯỞNG

Trương Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021
Theo Quyết định số 926 /QĐ-ĐHNT ngày 15 tháng 9 năm 2021
Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	59130049	Nguyễn Ngọc Phương Anh	28/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
2	59130094	Nguyễn Hoàng Bách	08/04/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
3	59130208	Vũ Thị Thu Cúc	28/01/1999	Hải Dương	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
4	59130315	Lê Thị Diễm	01/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
5	59130486	Nguyễn Thị Bảo Gấm	12/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
6	59130529	Nguyễn Thị Hà	02/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
7	59130694	Nguyễn Thu Hiền	16/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
8	59130709	Dương Hoàng Hiệp	04/07/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTDL	2017-2021
9	59130719	Ngô Trung Hiếu	15/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
10	59130751	Trần Thị Kim Hoa	10/01/1999	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
11	59131026	Nguyễn Đình Khải	28/02/1999	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	59.QTDL	2017-2021
12	59131260	Nguyễn Thị Hồng Linh	17/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
13	59131296	Đặng Thị Thúy Loan	13/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
14	59131379	Nguyễn Thị Mai	11/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
15	59131499	Lê Thị Kiều Nga	12/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
16	59131638	Nguyễn Anh Nguyên	31/08/1996	Gia Lai	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
17	59131694	Nguyễn Thị Yến Nhi	11/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
18	59131726	Lê Ngọc Lan Nhi	07/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
19	59131773	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/12/1999	Quảng Trị	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
20	59131779	Nguyễn Thị Mỹ Nhung	20/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
21	59131813	Nguyễn Thị Nụ	10/02/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
22	59131848	Lê Thị Bích Phê	09/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
23	59131941	Nguyễn Bích Xuân Phương	23/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTDL	2017-2021
24	59132039	Ngô Nhật Quyên	05/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
25	59132074	Lê Thị Như Quỳnh	19/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
26	59132090	Đặng Lê Thúy Quỳnh	19/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
27	57131337	Nguyễn Văn Tân	25/07/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
28	59132261	Bùi Trọng Thắng	07/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTDL	2017-2021

15.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
29	59132350	Võ Thị Thu	Thảo	10/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTDL	2017-2021
30	59132416	Từ Đức	Thịnh	07/02/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
31	59132488	Nguyễn Trang Anh	Thư	16/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
32	59132529	Nguyễn Võ Hoài	Thương	04/11/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.QTDL	2017-2021
33	59132736	Ngô Thị Huyền	Trang	02/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
34	59136108	Trương Ngọc Minh	Tú	16/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
35	59132981	Nguyễn Huy	Tùng	22/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTDL	2017-2021
36	59133020	Lê Hoàn Thanh	Tuyết	04/08/1999	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
37	59133034	Lâm Thị Tố	Uyên	07/08/1999	Quảng Nam	Nữ	Giỏi	59.QTDL	2017-2021
38	59133067	Ngô Thị Thùy	Vân	14/02/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.QTDL	2017-2021
39	59136303	Hoàng Bảo	Vy	27/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTDL	2017-2021
40	60131030	Lê Thị Thu	Thúy	17/08/2000	Phú Yên	Nữ	Giỏi	60.QTDL-2	2018-2022
41	59130026	Vũ Thị Phương	Anh	29/01/1999	Quảng Ninh	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
42	59136136	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	09/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
43	59130095	Trương Tấn	Bách	17/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
44	59130339	Trần Khải	Doanh	19/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
45	59130404	Văn Tiến	Dũng	07/11/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
46	59130506	Đặng Ngọc	Giao	18/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.QTKS-1	2017-2021
47	59130538	Nguyễn Thị	Hà	14/04/1999	Gia Lai	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
48	59130673	Nguyễn Thị Thu	Hiền	16/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
49	59130713	Nguyễn Minh	Hiếu	06/08/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
50	59130740	Nguyễn Minh	Hiếu	06/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
51	59130783	Nguyễn Thị Thu	Hoài	26/04/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
52	59130902	Đặng Thị Thu	Hương	25/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
53	59131154	Lê Thị Kiều	Lam	20/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
54	59131227	Huỳnh Thị Thùy	Linh	10/10/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
55	59138014	Phan Thanh Diệp	Loan	10/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
56	59131424	Lê Công	Minh	16/04/1999	Đắk Lắk	Nam	Giỏi	59.QTKS-1	2017-2021
57	59131513	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	10/07/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
58	59131557	Nguyễn Tự Tú	Ngân	15/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
59	59131600	Nguyễn Bích	Ngọc	17/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021

15

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
60	59131647	Trần Thị Hồng	Nguyệt	28/09/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
61	58131961	Nguyễn Chánh	Nhân	09/11/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
62	59131696	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	15/07/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
63	59131795	Phan Thị Kim	Nhung	24/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
64	59131904	Nguyễn Ngọc	Phúc	20/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
65	59131939	Đỗ Lê Thanh	Phương	20/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
66	59132044	Phan Thị Thảo	Quyên	01/12/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
67	59132069	Nguyễn Tiểu	Quỳnh	20/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
68	59132078	Nguyễn Thị Ánh	Quỳnh	10/05/1998	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
69	59132180	Đoàn Thị Thanh	Tâm	09/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
70	59132252	Vũ Tiến	Thắng	25/10/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
71	59132332	Phạm Thị Thanh	Thảo	11/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
72	59132391	Nguyễn Quý	Thiện	23/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
73	59132463	Phạm Thị Hồng	Thu	07/10/1999	Thanh Hóa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
74	59132486	Trần Lê Minh	Thư	16/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
75	59132502	Trần Ngọc Anh	Thư	05/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
76	59132558	Trần Thị Phương	Thúy	05/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
77	59132612	Lê Minh	Tiến	16/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
78	59132666	Ngô Thanh	Trà	23/08/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
79	59132696	Nguyễn Ngọc Minh	Trâm	08/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
80	59136233	Võ Thị Thu	Trang	13/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
81	59132747	Nguyễn Thị Kim	Trang	26/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
82	59132772	Phạm Thị Thu	Trang	22/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
83	59132903	Phạm Công	Trường	23/07/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
84	59132930	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	22/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
85	59133019	Thành Thị Khánh	Tuyền	14/10/1999	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
86	59138005	Trần Thị Kim	Tuyết	01/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
87	59133044	Trần Thị Phương	Uyên	22/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-1	2017-2021
88	59133087	Phan Linh	Văn	06/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
89	59133211	Văn Phan Bích	Vy	25/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021
90	59133242	Cao Như	Ý	05/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-1	2017-2021

Am.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
91	59130022	Huỳnh Giả Minh	Ân	17/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
92	59130177	Trần Thị Kim	Chi	18/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
93	59130311	Lương Thị Thúy	Diễm	01/10/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
94	59136198	Phùng Đoàn Ngọc	Diệu	22/11/1999	Lâm Đồng	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
95	59130408	Nguyễn Thị Thùy	Dương	16/07/1999	Hà Nam	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
96	59130232	Trần Thị Trang	Đài	16/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
97	59130528	Trần Kim	Hà	20/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
98	59130547	Nguyễn Thị	Hải	29/08/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
99	59130621	Nguyễn Thị	Hạnh	04/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
100	59130681	Trần Thị Thu	Hiền	29/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
101	59136049	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	25/12/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
102	59130785	Phạm Thị Như	Hoài	30/10/1999	Lâm Đồng	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
103	59130945	Phan Thái	Huy	16/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
104	59130989	Trần Thị Khánh	Huyền	12/10/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
105	59131132	Nguyễn Thị Thanh	Kiều	27/08/1999	Bình Thuận	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
106	59131245	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	15/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
107	59131274	Nguyễn Phạm Trúc	Linh	04/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
108	59131287	Phan Thị Kim	Loan	14/05/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
109	59131363	Phạm Hương	Ly	23/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
110	59131462	Tạ Thị Ái	Mỹ	20/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
111	59131649	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	04/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
112	59131699	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	05/01/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
113	59131714	Lê Nguyễn Yến	Nhi	17/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
114	59131760	Nguyễn Ngọc Thanh	Như	26/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
115	59131791	Tống Thị Tuyết	Nhung	19/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
116	59131912	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	09/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
117	59131948	Nguyễn Thị Hoài	Phương	10/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
118	59132050	Trần Thị Mỹ	Quyền	09/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
119	59132080	Lâm Thị Như	Quỳnh	25/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
120	59132191	Nguyễn Hữu	Tâm	29/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
121	59132221	Võ Thị Ngọc	Thạch	18/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021

AM.

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
122	59132267	Nguyễn Thị Hoài Thanh	05/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
123	59132318	Kiều Thu Thảo	03/07/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
124	59132334	Trần Như Thảo	04/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
125	59132352	Hoàng Đăng Thu Thảo	22/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
126	59132374	Võ Thị Mai Thi	27/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
127	59132478	Phùng Huỳnh Minh Thư	02/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
128	59136252	Nguyễn Thị Anh Thư	07/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
129	59136192	Nguyễn Thị Thương	17/03/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
130	59132559	Huỳnh Thị Thanh Thúy	26/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
131	59132592	Nguyễn Thị Thủy Tiên	20/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
132	59132677	Nguyễn Thị Hiền Trâm	16/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
133	59132732	Cao Thị Kiều Trang	24/07/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-2	2017-2021
134	59132755	Hà Bùi Huyền Trang	26/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
135	59132773	Nguyễn Ngọc Thảo Trang	21/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
136	59132786	Hoàng Thị Huyền Trang	26/01/1999	Bình Phước	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
137	59133047	Phan Vỹ Hoài Uyên	19/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-2	2017-2021
138	59133194	Phạm Thảo Vy	05/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
139	59133257	Đặng Thị Kim YẾN	16/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-2	2017-2021
140	59130067	Trần Phương Anh	24/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
141	59130093	Nguyễn Quốc Ba	30/09/1999	Bình Định	Nam	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
142	59130109	Huỳnh Thế Bảo	18/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
143	59130313	Trần Thị Y Diên	22/03/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
144	59130329	Đạo Hoàng Dinh	02/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
145	59130378	Nguyễn Bảo Dung	15/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
146	59130499	Nguyễn Thục Uyên Giang	21/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
147	59130523	Nguyễn Thị Kim Hà	21/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
148	59130602	Võ Thúy Hằng	20/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
149	59130676	Nguyễn Thị Thanh Hiền	24/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
150	59130896	Lê Võ Quỳnh Hương	26/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
151	59130940	Huỳnh Thanh Huy	28/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
152	59131133	Nguyễn Thị Kim	02/02/1999	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
153	59131200	Lê Thị Xuân	Lịch	26/06/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
154	59131258	Võ Ngọc	Linh	01/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
155	59131279	Hoàng Thị Phương	Linh	11/04/1999	Hà Tĩnh	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
156	59131295	Nguyễn Ngọc Mỹ	Loan	08/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
157	59131448	Ngô Ngọc Diễm	My	02/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
158	59131466	Nguyễn Thùy	My	21/03/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
159	59131501	Hồ Thanh	Nga	16/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
160	59131523	Lê Nữ Thanh	Ngân	02/05/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
161	59131545	Trần Thị Kim	Ngân	12/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
162	59131639	Trần Kim	Nguyên	05/06/1999	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
163	59131650	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	25/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
164	59131706	Lê Trúc	Nhi	24/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
165	59131764	Huỳnh Bảo	Như	01/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
166	59131792	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	29/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
167	59131827	Nguyễn Hải Phi	Oanh	10/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
168	59131917	Phạm Hữu	Phước	15/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
169	59131959	Phạm Thị Hà	Phương	30/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
170	59132084	Lê Đặng Diễm	Quỳnh	20/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
171	59132196	Ngô Hồng	Tâm	28/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
172	59132324	Trịnh Thị Thanh	Thảo	02/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
173	59132375	Trần Thị Thi	Thi	08/08/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
174	59136172	Phạm Minh Thiên	Thơ	28/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
175	59132482	Phạm Thị Anh	Thư	05/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
176	59132545	Nguyễn Ngọc Diệu	Thùy	16/01/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
177	59132595	Phan Thị Ái	Tiên	23/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
178	59132657	Nguyễn Ngọc	Tới	16/06/1999	Bình Định	Nam	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
179	59132690	Nguyễn Thị Thùy	Trâm	12/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
180	59132744	Phạm Thị Huyền	Trang	07/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
181	59132762	Nguyễn Thị Thu	Trang	17/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
182	59132872	Nguyễn Thị Mỹ	Trúc	18/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-3	2017-2021
183	59136170	Huỳnh Lê Anh	Tú	25/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021

Handwritten signature

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
184	59133015	Nguyễn Ngọc	Tuyền	26/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
185	59133071	Tô Thị Tường	Vân	02/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
186	59133105	Phan Thị Tường	Vi	16/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
187	59133197	Trần Thị Mai	Vy	20/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
188	59133217	Cao Đắc Triều	Vỹ	14/05/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59.QTKS-3	2017-2021
189	59136113	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	10/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-3	2017-2021
190	59130073	Nguyễn Võ Phương	Anh	15/12/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
191	59130224	Võ Phi	Cường	03/02/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
192	59130310	Nguyễn Thị	Diễm	09/05/1999	Bắc Giang	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
193	59130387	Nguyễn Trương Ngọc	Dung	15/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
194	59130503	Nguyễn Thị Thu	Giang	22/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
195	59130533	Phạm Thị Ngọc	Hà	22/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
196	59130689	Lê Thị Thảo	Hiền	14/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
197	59130738	Trần Thanh	Hiếu	09/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
198	59130752	Lê Thị Thúy	Hoa	25/02/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
199	59130897	Đỗ Thị Kim	Hương	21/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021
200	59131038	Huỳnh Tố	Khanh	02/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021
201	59131225	Lê Hoài	Linh	03/05/1999	Bình Định	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
202	59131261	Lê Đỗ Nhật	Linh	12/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-4	2017-2021
203	59131286	Nguyễn Đức	Lĩnh	12/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021
204	59131400	Lê Thị Kim	May	19/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
205	59131449	Nguyễn Thị Ngọc	My	12/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021
206	59131484	Nguyễn Đông	Nam	09/12/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
207	59131530	Phạm Thị Kim	Ngân	14/10/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
208	59131641	Nguyễn Trung	Nguyên	22/03/1999	Đắk Lắk	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
209	59131695	Võ Thị Yến	Nhi	04/12/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-4	2017-2021
210	59131709	Nguyễn Thị Xuân	Nhi	20/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
211	59136282	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	14/05/1999	Bình Thuận	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
212	59131898	Đỗ Minh	Phúc	29/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
213	59131943	Nguyễn Bảo Lan	Phương	02/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
214	59132040	Nguyễn Đỗ Minh	Quyên	21/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021

KTV

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
215	59136080	Nguyễn Thị Quyên	19/08/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
216	59132087	Phạm Thị Như Quỳnh	14/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
217	59139150	Nguyễn Thúy Quỳnh	20/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
218	59132152	Nguyễn Hoàng Thanh Sương	26/02/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
219	59132287	Nguyễn Duy Thành	30/05/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
220	59132328	Đỗ Lê Phương Thảo	23/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
221	59132485	Trần Thị Anh Thư	27/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
222	59132661	Võ Ngọc Thanh Tòng	16/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	59.QTKS-4	2017-2021
223	59132746	Phạm Thị Thùy Trang	03/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-4	2017-2021
224	59132766	Tô Huỳnh Thảo Trang	10/01/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
225	59132778	Phạm Thị Thu Trang	01/05/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
226	59132822	Lê Thị Hồng Trinh	02/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
227	59132952	Hồ Anh Tuấn	27/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
228	59133005	Lương Thị Lâm Tuyền	22/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
229	59133066	Đặng Thị Vân	25/06/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
230	59133079	Nguyễn Tường Vân	15/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
231	59133110	Nguyễn Tường Vi	02/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
232	59133181	Nguyễn Thị Vy	24/03/1999	Quảng Nam	Nữ	Khá	59.QTKS-4	2017-2021
233	59133231	Trần Thị Kim Xuyên	12/08/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-4	2017-2021
234	59130017	Trần Lê Vân An	14/09/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
235	59130066	Nguyễn Thị Hải Anh	26/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
236	59130141	Phương Thị Thanh Bình	26/02/1999	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	59.QTKS-5	2017-2021
237	59130302	Phạm Thị Thu Diễm	10/03/1999	Phú Yên	Nữ	Giỏi	59.QTKS-5	2017-2021
238	59130338	Phạm Thị Doanh Doanh	20/06/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-5	2017-2021
239	59130424	Trương Quốc Duy	05/03/1999	Phú Yên	Nam	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
240	59138023	Tào Thị Hồng Gấm	16/05/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
241	59136043	Hoàng Vũ Ngọc Hà	24/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-5	2017-2021
242	59130734	Phạm Trọng Hiếu	09/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
243	59130988	Nguyễn Trần Kim Huyền	10/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
244	59131043	Phạm Duy Hoàng Khánh	24/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
245	59131047	Nguyễn Thị Hoàng Khánh	20/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
246	59131288	Phan Thị Thanh Loan	11/11/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
247	59131358	Trương Thị Bích Ly	04/01/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
248	59131378	Hồ Thị Mai	20/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
249	59131391	Hồ Thanh Mẫn	08/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	59.QTKS-5	2017-2021
250	59131401	Phan Thị Mây	28/11/1999	Nghệ An	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
251	59131418	Mai Thanh Minh	29/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
252	59131496	Võ Thị Hồng Nga	16/12/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	59.QTKS-5	2017-2021
253	59131534	Trương Thanh Ngân	11/08/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	59.QTKS-5	2017-2021
254	59131712	Võ Thị Yến Nhi	07/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
255	59131769	Lâm Tâm Như	22/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59.QTKS-5	2017-2021
256	59131888	Nguyễn Thị Hồng Phúc	09/09/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
257	59131938	Lữ Bích Phương	28/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
258	59131944	Trần Ngọc Thanh Phương	31/10/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
259	59132029	Nguyễn Thị Mỹ Quyên	01/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
260	59132242	Nguyễn Thị Hồng Thắm	16/05/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
261	59132306	Đinh Nguyễn Thanh Thảo	09/08/1999	Bình Định	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
262	59132357	Lê Nguyễn Thanh Thảo	25/11/1999	Đắk Lắk	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
263	59132410	Nguyễn Tấn Thịnh	12/03/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59.QTKS-5	2017-2021
264	59132441	Nguyễn Công Thoại	12/03/1998	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
265	59132500	Lưu Hoàng Đoan Thư	20/07/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
266	59132518	Nguyễn Thanh Thuận	06/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
267	59132565	Nguyễn Lê Thanh Thúy	17/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
268	59132597	Nguyễn Thị Xuân Tiên	01/03/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
269	59132775	Nguyễn Lê Minh Trang	23/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
270	59139022	Nguyễn Đỗ Quỳnh Trang	29/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
271	59132818	Lê Thị Kiều Trinh	22/05/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
272	59133121	Huỳnh Thị Thùy Viên	10/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
273	59133190	Nguyễn Đình Thúy Vy	24/11/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
274	59133200	Hoàng Đoàn Yến Vy	03/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
275	59133225	Huỳnh Thị Thanh Xuân	02/04/1999	Phú Yên	Nữ	Khá	59.QTKS-5	2017-2021
Danh sách có 275 sinh viên								

HT

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2021

Theo Quyết định số 926 /QĐ-ĐHNT ngày 15 tháng 9 năm 2021

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57132185	Phan Mạnh Khang	21/08/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.QTDL-1	2017-2020
2	59161665	Nguyễn Gia Linh	03/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-1	2017-2020
3	59131964	Lê Thị Hà Phương	06/07/1999	Thái Bình	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-1	2017-2020
4	59161982	Trần Ngọc Yến Trinh	17/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-1	2017-2020
5	59169282	Nguyễn Phạm Ngọc Yến	28/08/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-1	2017-2020
6	59161358	Mai Thị Kim Oanh	17/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-3	2017-2020
7	59161933	Nguyễn Đăng Minh Thuyên	18/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-3	2017-2020
8	59161989	Nguyễn Thắng Trọng	21/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.QTDL-3	2017-2020
9	59161652	Huỳnh Kim Liên	06/11/1999	Gia Lai	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-4	2017-2020
10	59161727	Nguyễn Thanh Ngân	01/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-4	2017-2020
11	59161753	Nguyễn Thị Hoàng Nhi	20/04/1995	Khánh Hòa	Nữ	Khá	59C.QTDL-4	2017-2020
12	59169241	Trần Thị Thu Trang	27/09/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	59C.QTDL-4	2017-2020
13	59162041	Kiều Thanh Việt	22/11/1999	Phú Yên	Nam	Trung bình	59C.QTDL-4	2017-2020
14	60160133	Nguyễn Thị Đào	23/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
15	60160252	Phạm Thị Hải	02/12/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
16	60161789	Nguyễn Thị Ánh Hồng	24/07/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
17	60160492	Nguyễn Lê Anh Khôi	24/08/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.QTDL-1	2018-2021
18	60160656	Nguyễn Trần Tố My	22/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.QTDL-1	2018-2021
19	60162775	Trần Thị Kim Ngân	10/02/1999	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
20	60160713	Bùi Thị Mỹ Ngọc	26/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
21	60162062	Nguyễn Thị Yến Ngọc	27/02/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
22	60161083	Lê Thị Kim Thoa	01/04/2000	Phú Yên	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
23	60161346	Lê Kim Tùng	20/11/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.QTDL-1	2018-2021
24	60162458	Trần Thị Cẩm Vy	11/06/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	60C.QTDL-1	2018-2021
25	60160515	Lê Thanh Lâm	24/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTDL-2	2018-2021
26	60160799	Trương Ngọc Ý Nhi	12/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.QTDL-2	2018-2021
27	60162624	Phạm Xuân Thanh	16/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-2	2018-2021
28	60161777	Trương Nhật Hạ	25/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.QTDL-3	2018-2021
29	60161533	Võ Nguyễn Quỳnh Như	01/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-3	2018-2021
30	60160917	Lê Thị Ngọc Quý	19/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-3	2018-2021
31	60160976	Võ Nam Sơn	18/01/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTDL-3	2018-2021
32	60162283	Nguyễn Thành Định	30/11/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021

Handwritten signature

33	60160354	Nguyễn Mỹ	Hòa	16/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021
34	60160711	Võ Nguyễn Đức	Nghĩa	30/03/2000	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021
35	60162068	Trần Nữ Quỳnh	Như	04/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021
36	60161545	Trần Ngọc Thanh	Thảo	03/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021
37	60162579	Võ Trần Cúc	Hương	16/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-5	2018-2021
38	60160846	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	13/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-5	2018-2021
39	60161256	Nguyễn Thị Diễm	Trang	27/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-5	2018-2021
40	60162096	Lê Văn	Trung	18/06/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60C.QTDL-5	2018-2021
41	60162504	Phan Ngọc	Dự	22/09/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60C.QTDL-6	2018-2021
42	60160726	Trương Thanh	Ngọc	29/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-6	2018-2021
43	60160785	Lưu Thị Yến	Nhi	28/10/1999	Bình Định	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-6	2018-2021
44	60162352	Võ Nguyên Hoàng	Oanh	12/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-6	2018-2021
45	60161395	Trần Thị Như	Uyên	14/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-6	2018-2021
46	60160297	Phạm Thị	Hậu	31/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60C.QTDL-7	2018-2021
47	60160331	Nguyễn Thị Như	Hiếu	13/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-7	2018-2021
48	60160654	Nguyễn Thị Kiều	My	21/03/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-7	2018-2021
49	60161371	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	16/10/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-7	2018-2021

Danh sách có 49 sinh viên

Handwritten signature

SAO TẠO